

Bản án số: **588/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/12/2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thắng

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Trần Văn Vinh  
2. Ông Nguyễn Anh Đ

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn C - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 477/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: chị Cao Thị N, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)**

HKTT: Xóm Đình, thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội

Chỗ ở: Số 49, ngõ 111, thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội

**Bị đơn: anh Đào Mỹ C, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)**

HKTT: Xóm Đình, thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội

Chỗ ở: Xóm Chùa, thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Cao Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2007 tại UBND xã T, huyện T, Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại xóm Đình, thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội. Anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai vợ chồng đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không được và đã sống ly thân từ

năm 2017 đến nay. Từ khi sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung, là Đào Việt Đ, sinh ngày 26/9/2007 và Đào Đức T, sinh ngày 09/8/2009. Hai cháu đều đang ở cùng anh C. Sau ly hôn, chị N xin được giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai, bị đơn, anh Đào Mỹ C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh C xác nhận chị N trình bày về quá trình anh chị kết hôn, chung sống là đúng sự thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh làm ăn thua lỗ nên dẫn đến khó khăn về kinh tế, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị N đã bỏ đi khoảng 02 tháng nay. Nay chị N xin ly hôn, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh C xác nhận anh chị có 02 con chung như chị N trình bày. Trường hợp ly hôn, anh C xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị N, chị N được ly hôn anh Đào Mỹ C; Về con chung: Giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Chị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

*1.1. Về quan hệ pháp luật:* Chị Cao Thị N đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Đào Mỹ C. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.2. Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn là anh Đào Mỹ C có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại xã T, huyện T, Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.3. Về việc tham gia tố tụng của đương sự:* Anh C đã có lời khai, quan điểm về việc giải quyết vụ án, có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án. Anh C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

**[2] Về nội dung vụ án:**

*2.1. Về quan hệ hôn nhân:* Chị Cao Thị N và anh Đào Mỹ C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2007 tại UBND xã T, huyện T, Hà Nội. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tình cảm. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2017 đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh C. Anh C cũng đồng ý ly hôn với chị N do khó khăn kinh tế nên vợ chồng không còn tình cảm.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định chị N và anh C có mâu thuẫn về tình cảm, hai bên không sống cùng nhà với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh C mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N được ly hôn anh C.

*2.2. Về con chung:* Chị Cao Thị N và anh Đào Mỹ C có 02 con chung là Đào Việt Đ, sinh ngày 26/9/2007 và Đào Đức T, sinh ngày 09/8/2009. Cả hai cháu đều đang ở cùng anh C. Sau ly hôn, chị N xin được giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C xin được nuôi cả hai con chung và không

yêu cầu chị N cấp dưỡng. Cháu Đ, cháu T có nguyện vọng ở với bố hay mẹ đều được.

Trên cơ sở quy định của pháp luật, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, có xét đến nguyện vọng của con chung và để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, học tập, sinh hoạt cũng như tâm lý phát triển của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Chị N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

*2.3. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị Cao Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị N. Chị Cao Thị N được ly hôn anh Đào Mỹ C.

**2.** Về con chung: Xác nhận chị Cao Thị N và anh Đào Mỹ C có 02 con chung là Đào Việt Đ, sinh ngày 26/9/2007 và Đào Đức T, sinh ngày 09/8/2009. Sau ly hôn, giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Chị N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Chị Cao Thị N, anh Đào Mỹ C không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

**4. Về án phí:** Chị Cao Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 62915 ngày 10/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị N đã nộp đủ án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Thắng**